THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 221/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch các ngành, lĩnh vực.

2. Phát huy tối đa những tiềm năng, thế mạnh của Tỉnh; tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế; từng bước củng cố nội lực, tăng dần tỷ lệ tích lũy cho nền kinh tế; tạo ra bước đột phá về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất trong từng ngành, từng lĩnh vực; phát triển cân đối, hài hòa giữa chiều sâu và chiều rộng, tạo sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

3. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông. Phát triển kinh tế gắn với phát triển y tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, giảm dần tỷ lệ hộ nghèo; tập trung đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

4. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa những ảnh hưởng, tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu xây dựng Bạc Liêu cơ bản trở thành một tỉnh có nền nông nghiệp công nghệ cao phát triển bền vững gắn với phát triển công nghiệp và dịch vụ, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; có nền quốc phòng - an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; quyết tâm đưa Bạc Liêu sớm trở thành một trong những tỉnh phát triển khá trong vùng và cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 13,5 - 14%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và đạt 12 - 12,5%/năm giai đoạn 2016 - 2020. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 38,8 triệu đồng vào năm 2015 và khoảng 82,1 triệu đồng vào năm 2020.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp; đến năm 2015 tỷ trọng các ngành nông - lâm - thủy sản đạt 36,4%, các ngành phi nông nghiệp đạt 63,6%; đến năm 2020 tương ứng là 31% và 69%.

- Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đạt trên 380 triệu USD vào năm 2015 và đạt khoảng 900 - 1.000 triệu USD vào năm 2020; tổng mức lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ tăng trưởng bình quân đạt 22%/năm; thu ngân sách theo giá hiện hành tăng bình quân khoảng 16 - 16,5%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 19,5%/năm thời kỳ 2016 - 2020; nâng dần tỷ lệ thu ngân sách so GDP lên 8,1% năm 2015 và 8,2% năm 2020.

b) Về xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giai đoạn 2011 - 2015 đạt 1,12%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 1,0% - 0,9%/năm; giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm khoảng 1,5% - 2%.

- Phấn đấu đến năm 2015, mỗi năm tạo việc làm mới cho khoảng 13.500 - 14.000 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 50%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống 15%; có 25 giường bệnh/vạn dân; 20% số xã đạt đủ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ hộ được sử dụng điện đạt 98%.

- Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 4%, quỹ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn 90%; phổ cập giáo dục trung học phổ thông đúng độ tuổi quy định đạt mức 90%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 65 - 70%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 10%; đạt 7 bác sĩ và 1 dược sỹ đại học/vạn dân; có 32 giường bệnh/vạn dân; 95% trẻ em được tiêm chủng đủ 8 - 10 loại vacxin; 95% số khóm ấp được công nhận đạt

chuẩn văn hóa; 50% số xã đạt đủ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ hộ được sử dụng điện đạt 100%.

c) Về môi trường:

- Phấn đấu đến năm 2015, 70% dân số được sử dụng nước sạch; 85% chất thải rắn, 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý.

- Phấn đấu đến năm 2020, 85% dân số được sử dụng nước sạch; 100% chất thải rắn được thu gom và xử lý; 100% cơ sở sản xuất công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn; hoàn thành cơ bản việc cải tạo và nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước mưa và xử lý nước thải của thành phố và các thị trấn, Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường vào các khu, cụm, điểm công nghiệp tập trung.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH LĨNH VỰC

1. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, hiệu quả, gắn với công nghiệp chế biến sâu, thị trường tiêu thụ để nâng cao giá trị nông sản. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt trên 6,5%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 5%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

- Nông nghiệp: Phát triển theo hướng đầu tư thâm canh tăng vụ, nâng cao hệ số sử dụng đất hàng năm đạt mức khoảng 2,5 lần; xác định cây lúa vẫn là cây chủ lực, hình thành vùng sản xuất lúa chất lượng cao; chuyển đổi mô hình sản xuất, kết hợp luân canh lúa - tôm, lúa - rừng … phù hợp với hệ sinh thái của từng tiểu vùng; tăng dần tỷ trọng các loại rau màu trong trồng trọt, phấn đấu đạt tỷ lệ 2,7% vào năm 2020; hình thành các vùng sản xuất cây thực phẩm, cây ăn quả tập trung, nghiên cứu phát triển một số cây công nghiệp phù hợp phục vụ cho công nghiệp chế biến sâu; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ nhằm giảm giá thành sản xuất, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; tiến hành cơ giới hóa đồng bộ, chú trọng khâu chọn giống.

Tổ chức lại chăn nuôi theo hướng trang trại với quy mô phù hợp, đảm bảo an toàn về vệ sinh phòng dịch bệnh; nâng tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp khoảng 28% năm 2015 và 30 - 31% vào năm 2020.

- Thủy sản: Mở rộng quy mô diện tích nuôi trồng thủy sản trên cơ sở đảm bảo nguồn lực đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu nuôi thâm canh, phát triển các mô hình nuôi kết hợp tôm - cá, tôm - lúa; đa dạng hóa các loài thủy sản nuôi trồng như: Tôm, cá, cua, nghêu, sò huyết … mở rộng quy mô sản xuất giống, lựa chọn loại giống tốt, năng suất cao đáp ứng nhu cầu cho các địa phương trong vùng; phát triển ngành thủy sản cả về khai thác, nuôi trồng và chế biến. Từng bước hiện đại hóa đội tàu khai thác hải sản xa bờ; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư tăng số lượng tàu khai thác ở ngư trường xa bờ; tổ chức tốt các dịch vụ hậu cần nghề cá, nhất là các loại hình dịch vụ trên biển để giảm chi phí sản xuất.

- Lâm nghiệp: Đảm bảo ổn định diện tích rừng khoảng 8.300 ha, trong đó, bao gồm 389 ha rừng đặc dụng sân chim Bạc Liêu, dải rừng phòng hộ ngoài đê biển, khoanh nuôi 2.780 ha rừng ngập mặn bãi bồi ven biển.

- Ổn định diện tích làm muối tập trung với quy mô 2.500 ha đến năm 2020. Tập trung ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhất là mô hình sản xuất muối trải bạt, nhằm tăng năng suất sản xuất muối trắng.

2. Phát triển ngành công nghiệp:

- Phát triển dựa trên lợi thế về nguồn lao động dồi dào, điều kiện đất đai và nguồn nguyên liệu nông, thủy sản. Phấn đấu đến năm 2015, tỷ trọng trong GDP đạt khoảng 31,7% và năm 2020 là 35 - 36%; đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát triển công nghiệp đồng thời tăng cường củng cố, phát triển các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ của địa phương nhằm tạo tiền đề hình thành nên các cơ sở công nghiệp có quy mô sản xuất lớn.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế như: Công nghiệp chế biến nông, thủy sản, công nghiệp năng lượng, công nghiệp muối và sản phẩm từ muối, may mặc, cơ khí chế tạo nông cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp; củng cố và nâng cao các hoạt động tiểu thủ công nghiệp, hình thành các cụm tiểu thủ công nghiệp tại trung tâm xã, sản xuất các nguyên liệu cung cấp cho khu công nghiệp tập trung.

- Phát triển các khu công nghiệp phù hợp với quy hoạch, đảm bảo đầy đủ các dịch vụ, điều kiện sinh hoạt cho người lao động; phấn đấu đến năm 2020 thu hút đầu tư lấp đầy các khu công nghiệp hiện có; nghiên cứu hình thành các khu công nghiệp Láng Trâm, Ninh Quới khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

3. Phát triển thương mại, dịch vụ:

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng khoảng 19,4%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 16 - 17%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

- Hoàn chỉnh hệ thống thương mại, chú trọng phát triển thị trường nông thôn; huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng hệ thống chợ đầu mối, dân sinh, siêu thị tạo mạng lưới phân phối đáp ứng nhu cầu của người dân; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nhất là thị trường xuất khẩu.

- Đa dạng hóa các loại hình du lịch, trong đó đẩy mạnh loại hình du lịch sinh thái, văn hóa - lịch sử, lễ hội; gắn du lịch với quảng bá, giới thiệu truyền thống lịch sử, tiềm năng của Tỉnh; kêu gọi các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư hạ tầng du lịch; liên kết với các địa phương hình thành mạng lưới du lịch trong nội vùng, mạng lưới du lịch quốc gia; phấn đấu đến năm 2015, thu hút khoảng 1 triệu lượt khách du lịch; đến năm 2020, thu hút khoảng 02 triệu lượt khách.

- Phát triển các loại hình vận tải hàng hóa, vận tải hành khách nhằm không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng; tăng cường phát triển các dịch vụ vận chuyển đường bộ, đường thủy kết hợp với xây dựng hệ thống kho bãi, bến cảng.

- Phát triển đa dạng dịch vụ tài chính - ngân hàng, nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực cạnh tranh của các tổ chức tín dụng theo nguyên tắc thị trường nhằm phục vụ tốt các thành phần kinh tế và nhân dân.

4. Các lĩnh vực xã hội:

a) Lao động, việc làm:

Chú trọng phát triển và nhân rộng các mô hình tạo việc làm, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, các làng nghề, đặc biệt là các loại hình kinh doanh thu hút nhiều lao động; phát triển các trung tâm giới thiệu việc làm, tăng cường các hoạt động giao dịch việc làm trên thị trường. Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế.

b) Giáo dục - đào tạo:

- Khuyến khích phát triển hệ thống giáo dục mầm non theo cả hình thức công lập và dân lập; phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi; tập trung, đầu tư trang thiết bị học tập, phấn đấu đến năm 2015, 30% trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn quốc gia, bậc trung học cơ sở là 20%; bậc trung học phổ thông là 17%; đến năm 2020, các tỷ lệ này tương ứng là: 70%, 50% và 40%. Quan tâm đào tạo cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao.

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề; chú trọng các hình thức dạy nghề trực tiếp, dạy nghề cho lao động nông thôn, dạy nghề nội trú cho thanh niên dân tộc; tổ chức mô hình dạy nghề đa dạng, phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng; hoàn thành hệ thống trường dạy nghề.

c) Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

Phấn đấu để mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho mọi người; giảm tỷ lệ nhiễm mắc bệnh, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Tiếp tục củng cố tuyến y tế cơ sở, có chính sách đối với y, bác sỹ ở tuyến xã; thực hiện chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, chủ động phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, tăng cường quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

d) Văn hóa, thể dục thể thao:

- Thực hiện đồng bộ giữa việc quy hoạch, xây dựng hệ thống thiết chế, nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa thông tin. Phấn đấu đến năm 2020, 100% các huyện, thành phố có trung tâm văn hóa - thể thao, thư viện, sân bãi thể thao, nhà truyền thống và khu vui chơi giải trí, đáp ứng yêu cầu phục vụ tổ chức các hoạt động văn hóa thông tin và thể thao.

- Phát triển phong trào thể dục, thể thao trong các tầng lớp, cơ quan, đoàn thể của xã hội; đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tăng thêm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất; nâng cao công tác giáo dục thể chất trong nhà trường; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng lực lượng thể thao thành tích tham gia các giải thi đấu cấp vùng, cấp quốc gia.

đ) Giảm nghèo và các vấn đề an sinh xã hội khác:

- Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo; xây dựng các giải pháp, mô hình giảm nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất; có chính sách khuyến khích xã, hộ gia đình thoát nghèo, khuyến khích các doanh nghiệp dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo; chuyển dịch cơ cấu lao động khu vực nông nghiệp sang lao động khu vực phi nông nghiệp ở cả nông thôn và thành thị.

- Đẩy mạnh công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội, tăng cường và nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng xã/phường lành mạnh, không có tệ nạn xã hội gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới"; thực hiện xã hội hóa công tác đền ơn đáp nghĩa, vận động toàn dân cùng tham gia; chăm sóc người có công với nước; chăm lo đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho con em gia đình chính sách.

e) Khoa học công nghệ:

- Nghiên cứu triển khai các giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo hướng bền vững; ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học công nghệ mới như công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, tạo bước đột phá về giống cây, con có năng suất, giá trị cao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới phục vụ cơ giới hóa trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ trong các làng nghề truyền thống để tạo sự chuyển biến căn bản về năng suất, chất lượng, hiệu quả ở một số ngành kinh tế quan trọng như: Nuôi trồng thủy sản và chế biến sản phẩm nông nghiệp, ngư nghiệp. Phát triển thị trường công nghệ, triển khai thực hiện chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ cao và hình thành một số ngành công nghiệp công nghệ cao.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng:

a) Giao thông:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nhất là hệ thống đường "trục ngang", đường ven biển, đường giao thông nông thôn, hệ thống cầu nhằm tạo sự thông suốt trong toàn tỉnh. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương nâng cấp và đầu tư một số tuyến giao thông quan trọng, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Từng bước hoàn thiện và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng giao thông đô thị; nghiên cứu xây dựng đường tránh các đô thị, các cầu vượt kênh, vượt sông để tạo điều kiện phân bố lại dân cư và điều tiết mật độ giao thông quá cao ở khu vực Giá Rai, Hộ Phòng; đầu tư nâng cấp một số đường cho các thị trấn mới.

b) Thủy lợi:

- Xây dựng hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; kết hợp với phát triển giao thông, phòng chống giảm nhẹ thiên tai; đồng phải thời đảm bảo kiểm soát mặn, tiêu úng xổ phèn, giữ và dẫn ngọt cho tiểu vùng chuyên lúa; nghiên cứu xây dựng các hệ thống lấy nước và tiêu nước hợp lý, để phòng và hạn chế lây lan dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường cho nuôi trồng thủy sản phát triển bền vững.

- Phân vùng thủy lợi phải gắn kết chặt chẽ với phân vùng sản xuất nông, ngư, diêm nghiệp, với đặc thù sản xuất của từng tiểu vùng.

c) Cấp điện:

Hoàn thành nhà máy điện gió theo đúng tiến độ dự án; nghiên cứu đầu tư xây dựng Nhà máy nhiệt điện và hệ thống lưới điện cao thế theo quy hoạch; tiếp tục

hoàn thiện mạng lưới điện trung thế và hạ thế nhằm đáp ứng nhu cầu điện cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nhất là các khu công nghiệp, vùng nuôi tôm công nghiệp tập trung, các khu du lịch …

d) Bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin:

- Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng bưu chính viễn thông hiện đại đồng bộ có độ bao phủ rộng với thông lượng lớn, công nghệ tiên tiến đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ và ứng dụng công nghệ thông tin; bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống, an toàn an ninh; triển khai tự động hóa trong cung cấp một số loại hình dịch vụ cấp tỉnh. Phấn đấu đến năm 2015, mật độ thuê bao dịch vụ internet đạt 15 thuê bao/100 dân, đạt 129 máy điện thoại/100 dân, 100% điểm bưu điện văn hóa xã được cung cấp dịch vụ internet băng rộng; ngầm hóa 35 - 45% hạ tầng mạng ngoại vi; đến 2020 đạt 20 thuê bao dịch vụ internet/100 dân, ngầm hóa 60 - 70% hạ tầng mạng ngoại vi và đạt khoảng 150 máy điện thoại/100 dân.

đ) Cấp, thoát nước và bảo vệ môi trường:

- Đầu tư hệ thống cấp thoát nước đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất tại các khu đô thị và khu công nghiệp; phát huy hiệu quả những dự án cấp nước sạch hiện có trên địa bàn; nghiên cứu mô hình cấp nước nông thôn phù hợp với từng tiểu vùng.

- Nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải cho thành phố Bạc Liêu, các khu công nghiệp, một số khu đô thị và khu dân cư tập trung; nhà máy xử lý và tái chế rác thải cho thành phố Bạc Liêu; xử lý rác thải cho các bệnh viện và các cơ sở y tế; triển khai các dự án đầu tư thuộc Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

6. An ninh, quốc phòng:

- Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị nhằm xây dựng nền quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân; phát huy phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động ngăn ngừa và xử lý kịp thời với các tình huống phức tạp.

- Xây dựng và triển khai thực hiện tốt các phương án phòng thủ, quản lý chặt chẽ quân dự bị động viên đảm bảo về số lượng và chất lượng; gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn, trong công tác quy hoạch, kế hoạch và các chương trình, dự án đầu tư phát triển.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phát triển đô thị - nông thôn:

Quy hoạch không gian đô thị thành 04 vùng, mỗi vùng gắn với một đô thị lớn trung tâm và các đô thị vệ tinh; trong đó các đô thị trung tâm của mỗi vùng là thành phố Bạc Liêu; thị xã Hộ Phòng, thị xã Gành Hào và thị trấn Ninh Quới - Phước Long; dự kiến thành lập một số thị trấn mới tại các huyện Vĩnh Lợi, huyện Giá Rai, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải. Hình thành khu dân cư tập trung ở các trung tâm cụm xã theo các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

Phấn đấu nâng tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2015 lên 30% và năm 2020 là 40%; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng để đến năm 2015 các đô thị cơ bản đạt chuẩn tối thiểu theo chuẩn phân loại đô thị và đến năm 2020 đạt các tiêu chí theo chuẩn phân loại đô thị.

2. Phát triển các vùng kinh tế:

a) Vùng Bắc quốc lộ 1A: Được quy hoạch thành hai tiểu vùng:

- Tiểu vùng sản xuất lúa ổn định: Là phần diện tích nằm ở phía Đông kênh Quản Lộ - Giá Rai, kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp và kênh Ngan Dừa, có diện tích tự nhiên khoảng 80.000 ha; đến năm 2015, diện tích lúa ổn định khoảng 54.800 ha, đến năm 2020 là 52.400 ha. Vùng này sẽ được ngăn mặn triệt để, canh tác từ 2 - 3 vụ lúa - màu kết hợp với nuôi trồng thủy sản nước ngọt; xen kẽ là các vùng nhỏ nuôi tôm hay tôm - lúa; hình thành một số tiểu vùng chuyên canh lúa chất lượng cao.

- Tiểu vùng sản xuất tôm - lúa và nuôi tôm quảng canh cải tiến là phần diện tích còn lại; đến năm 2015 có khoảng 33.000 ha theo mô hình lúa - tôm, năm 2020 tăng lên khoảng 35.000 - 40.000 ngàn ha; dự kiến nuôi trồng thủy sản (tôm càng xanh) khoảng 6.000 ha, còn lại trồng các loại cây cho giá trị kinh tế cao.

- Xây dựng Vùng Bắc quốc lộ 1A thành vùng sản xuất nông nghiệp có trình độ công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản hàng hóa; phát triển đô thị trung tâm của vùng là thị trấn Phước Long, phát triển dịch vụ và du lịch sinh thái.

b) Vùng Nam quốc lộ 1A:

- Phát triển sản xuất theo hướng nuôi tôm công nghiệp và bán công nghiệp, nuôi trồng với kỹ thuật canh tác cao; ổn định diện tích nuôi tôm đến năm 2020 khoảng 15.000 ha, quy hoạch tại các vùng thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải; dự kiến đến năm 2020, còn khoảng 2.700 ha trồng lúa 1 vụ ở những vùng nuôi tôm không có hiệu quả, cần chú trọng hệ thống thủy lợi cho vùng này.

- Phát huy mọi tiềm năng và lợi thế của vùng bao gồm vùng biển và lãnh thổ ven biển, xây dựng thành một vùng kinh tế phát triển năng động, thu hút các nguồn đầu tư trong tỉnh, trong nước và nước ngoài, đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất chế biến có trình độ công nghệ cao, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng ngoài con tôm.

- Phát triển các ngành kinh tế biển và ven biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đảm bảo đạt yêu cầu hiệu quả cao và bền vững; gắn chặt sản xuất với chế biến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm; phát triển du lịch, dịch vụ cảng biển; phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái và tái tạo nguồn lợi thủy sản.

c) Nghiên cứu đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng và các điều kiện cần thiết, nếu đáp ứng đủ các tiêu chí thì tiến tới hình thành Khu kinh tế biển Gành Hào tại huyện Đông Hải nhằm tạo động lực chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế của Tỉnh.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp huy động vốn đầu tư:

Nhu cầu vốn đầu tư của toàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 170.000 tỷ đồng, trong đó thời kỳ 2011 - 2015 khoảng 52.000 tỷ đồng, thời kỳ 2016 - 2020 là 118.000 tỷ đồng. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Tỉnh cần chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp để đảm bảo vốn cho các công trình, dự án trọng điểm của địa phương; đồng thời, cần có các giải pháp cụ thể để huy động có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư phát triển như:

- Xây dựng và ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư đến năm 2020. Trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác quảng bá giới thiệu, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, chú trọng khai thác nguồn vốn ODA.

- Cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh, tiếp tục cải cách thủ tục đầu tư theo hướng gọn, minh bạch, công khai; tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng để sẵn sàng tiếp nhận các dự án đầu tư; ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trên cơ sở lợi thế về phát triển kinh tế của địa phương và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư để thu hút đầu tư nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, …

- Mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT, BTO, PPP, … tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thị trường vốn; phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư bằng tài sản.

2. Giải pháp về cải cách thủ tục hành chính:

Nâng cao năng lực hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước; hiện đại hóa nền hành chính, từng bước xây dựng chính quyền điện tử; tập trung cải cách thủ tục hành chính để thu hút đầu tư và tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh; phát triển thị trường nông thôn; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực phẩm chất, đạo đức cho đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng nhu cầu cải cách hành chính.

3. Giải pháp về khoa học, công nghệ:

- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, sáng chế cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh, thực hiện đúng quy định quyền sở hữu công nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp dành vốn cho nghiên cứu đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động; hợp tác chặt chẽ với các viện nghiên cứu, các trường đại học để thực hiện tốt việc nghiên cứu gắn với ứng dụng vào sản xuất, đời sống.

- Đổi mới cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng người lao động và có kế hoạch trẻ hóa đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học công nghệ; thực hiện tốt

chính sách đãi ngộ các nhà khoa học, chính sách khuyến khích xã hội hóa trong nghiên cứu khoa học và phát triển thị trường khoa học công nghệ.

- Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý khoa học công nghệ; tăng cường kiểm soát hoạt động chuyển giao công nghệ, giám định công nghệ, chất lượng và ô nhiễm môi trường.

4. Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

- Phát triển nguồn nhân lực của Tỉnh theo hướng cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu về lao động trong các ngành nghề, kết hợp hài hòa giữa đào tạo với giải quyết việc làm cho người lao động; có chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia, lao động có trình độ cao.

- Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và bố trí sử dụng cán bộ nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý; phát hiện, bồi dưỡng tài năng trẻ là cán bộ, công chức và các nhà quản lý, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; đa dạng hóa các hình thức đào tạo, chú trọng công tác đào tạo nghề chuyên sâu; nâng cao chất lượng đào tạo; sử dụng cán bộ, công chức phù hợp với ngành, nghề chuyên môn được đào tạo.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo nhằm tăng cường hơn nữa đầu tư cho giáo dục, đào tạo; khuyến khích các hoạt động xã hội về khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

5. Tăng cường hợp tác và phát triển thị trường:

- Tăng cường liên kết với các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long nhằm khai thác tốt tiềm năng, lợi thế từng địa phương; khuyến khích liên doanh, liên kết trong đầu tư, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Chú trọng củng cố và mở rộng thị trường ngoài nước, tạo thị trường lâu dài về các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, giảm dần thị trường trung gian.

- Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ; nâng cao chất lượng sản phẩm và thương hiệu hàng hóa trên thị trường. Tăng cường xúc tiến thương mại, thực hiện đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; mở rộng thị trường nông thôn trong việc tiêu thụ sản phẩm.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Công bố, phổ biến Quy hoạch:

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020 cho cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong Tỉnh ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành. Căn cứ nội dung của Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để có kế hoạch thực hiện đạt kết quả.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư; giới thiệu các chương trình, dự án cần được ưu tiên đầu tư, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm tạo ra những sản phẩm chủ lực.

2. Xây dựng chương trình hành động:

- Tỉnh cần cụ thể hóa nội dung của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được. Trên cơ sở đó tiến hành rà soát lại Quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong Tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu căn cứ nội dung Quy hoạch được phê duyệt chỉ đạo việc lập, duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong Tỉnh phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn gắn với các dự án cụ thể để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành (nếu vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Phối hợp với tỉnh Bạc Liêu trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ Tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020 CỦA TỈNH BẠC LIÊU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Các lĩnh vực
I	**TRUNG ƯƠNG NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**
1	**Lĩnh vực giao thông:** Đường cao tốc Hà Tiên - Bạc Liêu; Cảng biển Gành Hào.
2	**Lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi:** Hệ thống công trình phân gianh mặn, ngọt Bạc Liêu - Sóc Trăng; Kênh dẫn ngọt Sóc Trăng - Bạc Liêu; Âu tàu Ninh Quới (Hồng Dân); Đầu tư nâng cấp, mở rộng cảng cá Gành Hào; Cụm kho dự trữ muối Quốc gia tại xã Điền Hải.
3	**Lĩnh vực năng lượng:** Trung tâm điện lực Bạc Liêu (Nhà máy Nhiệt điện - huyện Đông Hải); Các dự án đường điện Trung, hạ thế và trạm biến áp phân phối điện.
II	**TỈNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**
1	**Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp:** Hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp 15.000 ha; Các khu neo đậu tàu và tránh trú bão Nhà Mát - Hiệp Thành, Cái Cùng, Gành Hào; Hạ tầng đồng muối 2.500 ha; Âu tàu 2 trên Sông Bạc Liêu (tại Rạch Bà Già và Cầu sập); Khu sản xuất tôm giống tập trung; Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; 02 mô hình thí điểm trồng lúa và nuôi trồng thủy sản; phát triển giống thủy sản chất lượng cao giai đoạn 2011 - 2015; Dự án thí điểm "đê mềm" để gây bồi tạo bãi khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển; Dự án thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua thúc đẩy đa dạng sinh học; Dự án bố trí sắp xếp lại dân cư ở khu vực rừng phòng hộ xung yếu ven biển (giai đoạn 2011 - 2015); Dự án bố trí sắp xếp lại dân cư khu vực ngoài đê biển vào định cư phía trong đê biển Đông (giai đoạn 2016 - 2020); Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng (giai đoạn 2011 - 2020).

TT	Các lĩnh vực
2	**Lĩnh vực thủy lợi:** Kè chống sạt lở cửa sông Gành Hào; Kè hai bên bờ sông (đoạn qua thành phố Bạc Liêu); Hệ thống ô thủy lợi Hòa Bình (Dự án WB2 giai đoạn 2); Các cống ngăn triều cường trên đê biển Đông; Dự án thủy lợi Vĩnh Phong; Tiểu dự án Hệ thống thủy lợi Đông Nàng Rền; Các trạm bơm điện; Các kênh trục: Cầu Sập - Ninh Quới, Cầu số 2 - Phước Long và Hòa Bình; Hệ thống thủy lợi Ninh Thạnh Lợi; Kênh Lái Viết, Xẻo Rô.
3	**Lĩnh vực giao thông vận tải:** Đường Hộ Phòng - Gành Hào; Đường Cao Văn Lầu, đường Hòa Bình, đường Nguyễn Thị Minh Khai (thành phố Bạc Liêu); Đường Bờ Tây kênh Láng Trâm; Đường và cầu tuyến Xóm Lung - Cái Cùng; Đường vành đai ngoài - thành phố Bạc Liêu; Đường Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc; Đường Gành Hào - Giá Rai - Phó Sinh - Cạnh Đền; Đường Hộ Phòng - Chủ Chí - Ranh Kiên Giang (đi Chợ Hội); Đường bờ Tây kênh 30 - 4; Tuyến đường thị trấn Hòa Bình - Minh Diệu - Vĩnh Phú Đông; Đường Cầu Hiệp Thành; Đường Bạc Liêu - Hưng Thành; Đường Phước Long - Vĩnh Lộc; Các đoạn Quốc lộ tránh thành phố, thị xã; Đường đến trung tâm 22 xã; Cầu Bạc Liêu 4 và Đường đến đê biển Đông; cầu Bạc Liêu 5; cầu Hộ Phòng; cầu giao thông nông thôn trên kênh cấp II vùng Quản Lộ - Phụng Hiệp; đường nối cầu Tôn Đức Thắng đến đê biển Đông; Cầu qua kênh Chùa Phật, Cái Cùng, Huyện Kệ.
4	**Lĩnh vực đô thị, công cộng, môi trường** Khu công nghiệp: Láng Trâm, Ninh Quới; Trung tâm điện lực Bạc Liêu (Nhà máy Nhiệt điện - huyện Đông Hải); Hạ tầng khu hành chính: huyện Vĩnh Lợi, huyện Phước Long, huyện Đông Hải;

TT	Các lĩnh vực
	Hạ tầng thị xã Hộ Phòng - Giá Rai; Trụ sở Ban CHQS huyện Vĩnh Lợi, huyện Đông Hải; Công an các phường; Trung tâm huấn luyện nghiệp vụ Công an tỉnh Bạc Liêu; Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai giai đoạn đến năm 2015.
5	**Lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo** Bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn II (kể cả thiết bị đồng bộ); Bệnh viện đa khoa các huyện: Phước Long, Đông Hải, Vĩnh Lợi, Hòa Bình, Giá Rai (kể cả thiết bị đồng bộ); Bệnh viện tâm thần kinh; Bệnh viện Sản - Nhi (kể cả thiết bị đồng bộ); Bệnh viện lao và bệnh phổi (kể cả thiết bị đồng bộ); Bệnh viện y học cổ truyền - phục hồi chức năng; Nhà ở sinh viên; Sân vận động tỉnh và nhà thi đấu đa năng; Trung tâm văn hóa và triển lãm nghệ thuật tỉnh; Các Trường trung cấp nghề Bạc Liêu; Trường cao đẳng nghề; Trường cao đẳng kinh tế; Trường dân tộc nội trú tỉnh Bạc Liêu; Trường đại học Bạc Liêu; nâng cấp Trường trung cấp văn hóa nghệ thuật; Trùng tu nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh và các huyện.
III	**KÊU GỌI THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ**
1	**Lĩnh vực công nghiệp** Nhà máy sản xuất bao bì; Nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn; Vật liệu xây dựng gạch tuynel; Nhà máy chế biến muối chất lượng cao; Nhà máy thuộc da và sản xuất sản phẩm da, dày; Nhà máy sản xuất chất tẩy rửa, chế phẩm nuôi thủy sản; Nhà máy xay xát lúa xuất khẩu và kho dự trữ lương thực; Nhà máy chế biến sản phẩm từ nuôi chim Yến; Nhà máy sản xuất mì ăn liền; Nhà máy điện năng lượng gió; Cảng sông Hộ Phòng; Cảng trung chuyển Gành Hào; Nhà máy chiết nạp gas.

TT	Các lĩnh vực
2	**Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, văn hóa, thể thao và du lịch** Trung tâm thương mại thành phố Bạc Liêu; trung tâm thương mại - dịch vụ - siêu thị các huyện; các chợ trung tâm, chợ đầu mối; Hệ thống kho xăng dầu; Hạ tầng khu du lịch Gành Hào; Khu du lịch sinh thái ven biển; Khu du lịch trên biển Nhà Mát; Khu du lịch resort và nghỉ dưỡng; Khu du lịch nhân tạo trên biển; Khu du lịch sinh thái Vườn chim; Khu Thương mại - khách sạn - cao ốc - Văn phòng; Bệnh viện Mắt.
3	**Lĩnh vực đô thị, công cộng, môi trường và các ngành khác** Khu tái định cư khu công nghiệp Trà Kha + nhà ở công nhân; Nhà máy tái chế rác thải - thành phố Bạc Liêu; Nhà máy xử lý rác thải thị xã mới Hộ Phòng - Giá Rai; Nhà máy Cấp nước sạch Thị trấn Gành Hào; Khu đô thị mới nam cầu Tôn Đức Thắng; Khu dân cư nam vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu; Khu đô thị mới Đông Bến xe Bạc Liêu; Khu đô thị Bắc đường Cách Mạng.

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng